

Thích Phước An

Lời Giới Thiệu

Tác phẩm Hạt Nắng Bờ Đê
của Văn Công Tuấn

Vào khoảng đầu năm 1990 hay 1991 gì đó của thế kỷ trước tôi gặp một vị Thầy cũng ở tại Đại học Vạn Hạnh trước 1975. Sau khi nhắc đến những người thân mà bây giờ đã ly tán khắp nơi trên thế giới, khi hỏi đến Văn Công Tuấn thì Thầy đã trả lời một cách buồn bã là “bây giờ Văn Công Tuấn không còn như hồi ở Vạn Hạnh nữa”. Tôi rất đỗi ngạc nhiên và cứ thắc mắc hoài trong đầu là, một người có tâm hồn rất đặc biệt như Văn Công Tuấn lại có thể quên cái quá khứ một thời ở Vạn Hạnh như vậy sao?

Rồi mới cuối năm ngoái đây, bất ngờ tôi gặp được trang Web có tên là *Quê Nhà* của Nguyễn Đạo Văn Công Tuấn. Trong trang web này, Văn Công Tuấn đã để ra một trang đặc biệt có tên là *Chốn Hoa Viên* đăng lại các bài viết của những người thân của Vạn Hạnh năm xưa như Bùi Giáng, Tuệ Sỹ, Hoài Khanh, Chơn Nguyên và có tôi nữa. Vậy là những thắc mắc cũng như thất vọng về Văn Công Tuấn hơn hai thập niên sau mới được hoàn toàn giải tỏa.

Cảm động nhất đối với tôi là, hai câu thơ của Bùi Giáng mà anh đã trang trọng đặt ở đầu trang *Quê Nhà* của mình:

Sẽ đi cùng bước chân mùa

Bóng vang sầu cũ tháp chùa rộng thênh

Sở dĩ tôi nói cảm động là vì hồi 1974 tôi có viết được một tùy bút đăng trên bán nguyệt san *Thời Tập*, một tập san văn nghệ do nhà thơ Viên Linh chủ trương rất nổi tiếng thời đó, có tên là *Tuổi Thơ Nghe Cọp Rống*, và tôi đã trang trọng đặt hai câu thơ của Bùi Giáng trên bài viết. Qua hai câu thơ đó, tôi muốn nói lên tình yêu nồng nàn đối với ngôi chùa đã in đậm trong ký ức tuổi thơ của tôi.

Nhưng ngôi chùa trong ký ức của tuổi thơ tôi có lẽ, tôi nghĩ, cũng giống như *Kim Các Tự (Kinkakuji)* của văn hào Nhật Yukio Mishima. Mizaguchi nhân vật chính của tác phẩm *Kim Các Tự*, mặc dù suốt cả tuổi thơ cứ mơ mộng làm sao đến cho được Kim Các Tự như là biểu tượng cho cái đẹp vĩnh cửu trên cuộc đời này. Nhưng khi người cha đích thân dẫn Mizaguchi đến Kim Các Tự thì Mizaguchi lại thất vọng vô cùng, vì theo Mizaguchi “*có lẽ nào cái đẹp lại là một vật không đẹp đẽ như thế này sao?*”. Nhưng khi từ già Kim Các Tự trở về lại quê nhà thì cái đẹp của Kim Các Tự lại vẫn tiếp tục âm thầm ám ảnh tâm hồn Mizaguchi có lẽ còn mãnh liệt hơn trước khi được nhìn thấy Kim Các Tự thật.

Ngôi chùa của tuổi thơ tôi cũng vậy, nghĩa là ngôi chùa vẫn đứng đó không có gì thay đổi nhưng mỗi lần về lại tôi thấy ngôi chùa hoàn toàn khác với ngôi chùa mà tuổi thơ tôi đã từng sống và ám ảnh trên bước đường tha phương. Bởi thế cho nên, hễ khi nào ngôi chùa nửa hư nửa thực của tuổi thơ còn sống đậm đà trong ký ức của tôi thì hai câu thơ cũng nửa hư nửa thực của Bùi Giáng vẫn còn tiếp tục đeo bám tôi suốt cả cuộc đời.

Sở dĩ tôi có hơi lạc đề một chút là vì chỉ muốn nhấn mạnh rằng, thế hệ những người trẻ tuổi của tôi và Văn Công Tuấn đều đã được nuôi dưỡng từ cõi thơ bát ngát và phiêu bồng ấy của Bùi Giáng. Riêng tôi và Văn Công Tuấn còn may mắn hơn nữa là được sống gần gũi với Bùi Giáng trong một thời gian tương đối dài tại Đại học Vạn Hạnh danh tiếng năm xưa.

Nước Đức nơi Văn Công Tuấn đã sống gần 40 năm nay là quê hương của nhiều triết gia, văn hào và thi nhân vốn không xa lạ gì với những người trẻ tuổi trước 75 như Nietzsche hay Heidegger chẳng hạn. Nhưng ở đây tôi chỉ đề cập đến văn hào Hermann Hesse người đoạt giải thưởng Nobel văn chương năm 1946. Mặc dù tác phẩm của Hermann Hesse được dịch sang tiếng Việt rất nhiều như *Đôi Bạn Chân Tình*, *Tuổi Trẻ Và Cô Đơn* v.v... nhưng

ảnh hưởng nhất vẫn là *Câu Chuyện Dòng Sông* được Phùng Khánh tức Ni Trương Trí Hải và người em là Phùng Thăng dịch.

Vì sao *Câu Chuyện Dòng Sông* của văn hào Hermann Hesse lại hấp dẫn những người trẻ tuổi thời đó đến như vậy?

Trong lời giới thiệu của nhà xuất bản Lá Bối (theo chỗ tôi biết do Phạm Công Thiện viết) có trích một câu thơ của Hermann Hesse:

*“Dù bị đau đớn quằn quại tôi vẫn tha thiết yêu thương trần gian
điên dại này”.*

Thế là đã rõ, Hermann Hesse khuyên những người trẻ tuổi đừng sợ đau khổ, vì chính nhờ đau khổ mà người thanh niên trẻ tuổi Siddharta trong tác phẩm mới can đảm vứt bỏ tất cả kể cả giai cấp Bà La Môn quý tộc của mình để lên đường đi tìm kiếm ý nghĩa cho đời mình trong cô độc “đó là câu chuyện của mỗi người trong chúng ta” đúng như lời giới thiệu mà nhà xuất bản đã viết.

Cách đây mấy tháng, tôi được Văn Công Tuấn báo trước là sẽ gửi tặng một tác phẩm mà anh vừa xuất bản tại Việt nam, trong đó có bài anh viết về tôi. Khi nhận được *Cổ Thụ Lặng Bóng Soi* tôi mở ra đọc phần Mục Lục trước, không phải để tìm bài viết về tôi mà xem thử anh có viết gì không về văn hào Hermann Hesse? Văn hào mà một thời tuổi trẻ tôi và anh đã say mê đọc.

Tôi quá vui chẳng những anh đã viết về Hermann Hesse mà còn viết rất dài nữa.

Trong bài, Văn Công Tuấn cho biết là khi được định cư tại Đức thì anh đã nghĩ ngay đến việc đi thăm nơi ở của Hermann Hesse. Vậy là, tôi tự nhủ cái quá khứ của thời tuổi trẻ ở Đại học Vạn Hạnh vẫn âm thầm tác động và nuôi dưỡng tâm hồn anh, dù anh sống ở chân trời góc bể nào.

Và đây là câu của Hermann Hesse phát biểu về Phật Giáo và triết lý Đông Phương được Văn Công Tuấn dịch từ nguyên tác tiếng Đức như thế này :

“Trong nhiều năm qua tôi đã tin rằng, trí tuệ của Âu Châu đã suy đồi và đang có nhu cầu quay về cội nguồn Châu Á. Tôi đã nhiều năm ngưỡng mộ Đức Phật và nền văn hóa Ấn Độ mà từ thời trai trẻ tôi đã từng đọc được. Rồi sau này tôi còn thấy gần hơn với tư tưởng của Lão Tử và những hiền triết Trung Hoa. Với những suy tư và nghiên cứu này, chuyến du hành Ấn Độ của tôi chỉ là một bổ sung nhỏ bé và là những minh họa thêm vào.” (Cổ Thụ lặng Bóng Soi, tr. 225)

Theo Văn Công Tuấn Hermann Hesse đã viết đoạn trên trong một lá thư gửi cho người bạn vào năm 1919.

Vậy là đúng một thế kỷ đã trôi qua. Nếu cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 tư tưởng Phật Giáo chỉ giới hạn nơi những triết gia vĩ đại như Schopenhauer, Nietzsche của Đức hay Lev Tolstoy của Nga v.v... thì ngày nay đã hoàn toàn khác, theo Văn Công Tuấn ghi lại trong bài viết:

“Cụ Hesse của chúng ta đâu ngờ rằng, ngày nay gần nhà cụ, một tu viện Phật Giáo có tên là Viên Đức đã được dựng lên” và “đã có rất nhiều tu sĩ người Đức xuất gia theo nhiều truyền thống khác nhau”.

Bởi vậy, chúng ta cũng chẳng lấy gì làm ngạc nhiên khi đọc những dòng sau đây của Văn Công Tuấn, một đứa con của Châu Á nhưng lại được học hỏi và trưởng thành từ nền văn hóa Tây phương khi đến Ấn Độ, quê hương của Đức Phật đã hãnh diện mà thốt lên rằng:

“Ngài đến gần tôi và còn dạy cho tôi rằng, tôi là một con người tự do và có chủ quyền. Ngài giúp tôi un đúc một tinh thần tự giác vắng bóng tất cả mọi mệnh lệnh, mọi giáo điều, mọi sức ép. Không ai có thể sai khiến tôi được. Ngược lại tôi cũng không cầu xin hay xúi sử thần linh nào phục vụ cho những toan tính, những ước muốn nhỏ nhen của tôi. Tôi, con người tự do và tự chủ. Tôi chỉ cần biết thấp đuốc lên là thấy rõ đường đi tới. (Hạt Năng Bồ Đề).”

Về vấn đề “mọi người sinh ra đều bình đẳng”. Có lẽ nhân loại không phải đợi đến ngày 4/7/1776 tức ngày hiến pháp Hoa Kỳ ra đời hay cuộc cách mạng Pháp 1789 thì mới biết “mọi người sinh ra đều bình đẳng”, mà điều ấy đã được Đức Phật công bố từ hơn 25 thế kỷ trước.

Tác giả *Hạt Năng Bồ Đề* viết:

“Đó là, lần đầu tiên trong lịch sử loài người có bậc đạo sư dám nói ra một giáo pháp bình đẳng không phân biệt nam hay nữ (như Long nữ chỉ

trong một khoảnh khắc đã thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác), một pháp màu vi diệu không phân biệt kẻ bần cùng hay người quý tộc. Ai ai cũng có Phật tánh, ai ai cũng có khả năng thành Phật. Tính bình đẳng ấy cho mãi đến hôm nay trong thế kỷ 21 này vẫn là một điều khó hiểu cho nhiều học thuyết khác”.

Chính vì thế nên khi đến được quê hương của Đức Phật, Văn Công Tuấn đã vượt nhiều trở ngại với mong ước lên được đỉnh núi Linh Thứu (nơi mà Đức Phật đã tuyên thuyết những bộ kinh Đại Thừa nổi tiếng như Diệu Pháp Liên Hoa, Đại Bát Niết Bàn, Kim Quang Minh v.v...) trước khi mặt trời mọc. Khi đứng nhìn mặt trời mọc trên đỉnh núi Linh Thứu anh đã cảm khái hay nói đúng hơn là trút hết tâm sự của mình đối với giáo pháp vĩ đại của Đức Phật:

“Núi non vẫn nằm đó, cây cỏ còn đó, mỏm đá hình chim thú vẫn đứng đó. Đã bao nhiêu lần mặt trời từng mọc lên, đã chiếu sáng ngọn núi thiêng này sau những đêm tối? Ai đếm cho hết? Ai cất công ghi lại cho kham? Nhưng có một điều tôi đoán chắc: mặt trời kia chưa bao giờ ngưng tỏa sáng trên đỉnh núi Thứu này. Từ mấy ngàn năm nay, mặt trời vẫn mọc và tỏa sáng như hôm nay, như lúc chúng tôi có mặt ở đây. Và mỗi ngày, mỗi ngày đều đặn như vậy. Không hề ngưng đọng. Phải chăng, cũng chính nhờ vào những nhiên liệu này mà bánh xe Pháp cứ quay, quay từ ngày ấy của hơn hai ngàn năm trăm năm trước đến hôm nay và sẽ quay đến cả tận mãi ngàn sau.”.

Nhưng Văn Công Tuấn đến Ấn Độ không phải là khách tham quan, cũng không phải để *“ghi chép lịch sử hay mô tả Phật tích”* mà anh đi như một Phật tử, một hành giả. Hành trang của anh chỉ có một bộ Hoa Nghiêm Kinh. Bộ kinh mà theo truyền thuyết, sau khi thành đạo dưới gốc cây Bồ Đề, Đức Phật đã ngồi trong thiền định để giảng kinh này cho các vị Đại Bồ Tát”. Tác giả *Hạt Nắng Bồ Đề* trong thời gian trì tụng kinh dưới bảo tháp Hoa Nghiêm ở Bồ Đề Đạo Tràng có than rằng Kinh Hoa Nghiêm khó hiểu quá. Mặc dù vậy, khi đọc được câu ngắn gọn sau đây, tôi đã nghĩ rằng anh đã đến được cánh cửa của Pháp Giới Hoa Nghiêm *“phải mượn thêm năng lượng của vũ trụ quanh mình như vậy may ra có thể hiểu được đôi chút”*.

Đúng vậy, mỗi lần đọc Kinh Hoa Nghiêm nhất là phẩm *Nhập Pháp Giới* tôi có cảm giác như đang nghe được âm thanh hàng ngàn thác nước từ Hy Mã Lạp Sơn ào ạt đổ xuống.

Có lẽ, chỉ có một dân tộc được sinh ra dưới ngọn núi cao nhất thế giới này mới đầy đủ năng lượng của đất trời để sáng tạo ra được một thứ ngôn ngữ lạ lùng như vậy.

Và cũng chính vì nằm dưới chân Hy Mã Lạp Sơn nên không chỉ trong quá khứ đã sanh ra được bậc *Trí Giả Trầm Lặng Của Dòng Sakya* mà ngay cả trong thời hiện đại ở đầu thế kỷ 20, Ấn Độ cũng đã cống hiến cho nhân loại nhiều bậc trí giả vĩ đại khác nữa, mà nổi bậc nhất là Mahatma Gandhi và thi hào Rabindranth Tagore cũng được tác giả *Hạt Năng Bồ Đề* kính cẩn ghi lại trong tác phẩm này.

Tôi nghĩ tác phẩm này với lối văn giản dị, dễ hiểu nhưng mang nhiều nét cá biệt và rất đặc sắc, sẽ giúp ích rất thiết thực cho độc giả. Người đọc chắc chắn sẽ nhận ra được Đức Phật và Đạo Phật cần thiết như thế nào mà tác giả muốn gợi gắm đến cho họ trong một thế giới đầy biến động như hiện nay.

Xin được trân trọng giới thiệu đến toàn thể Phật tử và bạn đọc xa gần với cầu mong rằng, *Hạt Năng Bồ Đề* sẽ luôn luôn thấp sáng mãi trong tâm hồn của mỗi người chúng ta.

Nha Trang, mùa Hạ 2017

Thích Phước An



Hòa Thượng Thích Phước An
bên tượng cụ Tố Như Nguyễn Du
tại làng Tiên Điền huyện Nghi Xuân tỉnh Hà Tĩnh